

V/v thực hiện Thông tư số
46/2025/TT-BCT của Bộ
Công Thương

Kính gửi: các Tổng công ty Điện lực

Ngày 06/8/2025, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 46/2025/TT-BCT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 Quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện, Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng và Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 Quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia (*gửi kèm*). Để triển khai thực hiện, Tập đoàn yêu cầu các đơn vị thực hiện nội dung sau:

1. Nghiên cứu nội dung Thông tư số 46/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương, phổ biến, tập huấn cho các cán bộ, người lao động trực tiếp tại đơn vị để thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Thông tư này.
2. Rà soát các Quy chế quản lý nội bộ, các tài liệu liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp với quy định của Thông tư số 46/2025/TT-BCT. Trong thời gian chưa kịp sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, các đơn vị vẫn phải thực hiện theo đúng các quy định tại Thông tư số 46/2025/TT-BCT.
3. Căn cứ phương pháp xác định và mức chi phí ngừng và cấp điện trở lại tại Phụ lục đính kèm (tham khảo quy định tại Thông tư số 23/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương trước đây), các Tổng công ty Điện lực xây dựng, ban hành và niêm yết công khai mức chi phí cho một lần ngừng, cấp điện trở lại để thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân khi có phát sinh việc tạm ngừng cung cấp điện.

Tập đoàn yêu cầu các đơn vị thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo Tập đoàn xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (để b/c);
- TGD (để b/c);
- EVNICT (để biết);
- Ban: KTAT, PC;
- Lưu: VT, KDMBĐ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngô Sơn Hải

Phụ lục

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH VÀ MỨC CHI PHÍ NGỪNG, CẤP ĐIỆN TRỞ LẠI

1. Nguyên tắc tính mức chi phí cho một lần ngừng, cấp điện trở lại

1.1. Công thức tính mức chi phí cho một lần ngừng, cấp điện trở lại như sau:

$$T = M \times k \times n$$

Trong đó:

- T: Số tiền bên bán điện được phép thu để thực hiện cho một lần ngừng, cấp điện trở lại;
- M: Mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại cơ sở quy định tại khoản 2;
- k: Hệ số điều chỉnh theo khoảng cách quy định tại khoản 3;
- n: Hệ số điều chỉnh theo vùng, miền quy định tại khoản 4.

1.2. Mức chi phí cho một lần ngừng, cấp điện trở lại quy định tại mục 2.2 chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại cơ sở (M)

2.1. Công thức tính mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại cơ sở (M)

Mức chi phí ngừng và cấp điện trở lại cơ sở (M) là mức chi phí cho một lần ngừng, cấp điện trở lại tại khu vực đồng bằng, có khoảng cách từ trụ sở đơn vị trực tiếp thực hiện đến địa điểm thực hiện ngừng, cấp điện trở lại từ 5 km trở xuống được xác định bằng công thức sau:

$$M = \text{Chi phí nhân công} + \text{Chi phí đi lại}$$

Trong đó:

- Chi phí nhân công tính theo các yếu tố: Mức lương cơ sở của Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho 01 ngày công, hệ số lương bậc thợ, hệ số phụ cấp lưu động và số công cho một lần đóng cắt theo các cấp điện áp;
- Chi phí đi lại: Được xác định là mức chi phí đi lại để thực hiện cho một lần ngừng, cấp điện trở lại tại khu vực đồng bằng, có khoảng cách từ trụ sở đơn vị trực tiếp thực hiện ngừng, cấp điện trở lại đến địa điểm thực hiện ngừng, cấp điện trở lại từ 5 km trở xuống.

2.2. Mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại cơ sở (M) được quy định như sau:

- a) Tại điểm có cấp điện áp từ 0,38 kV trở xuống: $M = 98.000$ đồng;
- b) Tại điểm có cấp điện áp trên 0,38 kV đến 35 kV: $M = 231.000$ đồng;

c) Tại điểm có cấp điện áp trên 35 kV: $M = 339.000$ đồng.

3. Hệ số điều chỉnh theo khoảng cách (k)

3.1. Hệ số điều chỉnh theo khoảng cách (k) được xác định theo khoảng cách từ trụ sở đơn vị trực tiếp thực hiện đến địa điểm thực hiện ngừng, cấp điện trở lại.

3.2. Đối với khách hàng sử dụng điện phục vụ mục đích sinh hoạt, hệ số điều chỉnh theo khoảng cách $k = 1$, không phụ thuộc vào khoảng cách từ trụ sở đơn vị trực tiếp thực hiện đến địa điểm thực hiện ngừng, cấp điện trở lại.

3.3. Đối với khách hàng mua điện ngoài mục đích sinh hoạt và tổ chức, cá nhân yêu cầu ngừng cấp điện, hệ số điều chỉnh theo khoảng cách được áp dụng như sau:

- a) Đến 05 km: Hệ số $k = 1$;
- b) Trên 05 km đến 10 km: Hệ số $k = 1,14$;
- c) Trên 10 km đến 20 km: Hệ số $k = 1,28$;
- d) Trên 20 km đến 30 km: Hệ số $k = 1,42$;
- đ) Trên 30 km đến 50 km: Hệ số $k = 1,56$;
- e) Trên 50 km: Hệ số $k = 1,70$.

4. Hệ số điều chỉnh theo vùng, miền (n)

4.1. Hệ số điều chỉnh theo vùng, miền (n) được xác định theo khu vực thực hiện ngừng, cấp điện trở lại.

4.2. Đối với khách hàng sử dụng điện phục vụ mục đích sinh hoạt, hệ số vùng, miền $n = 1$, không phân biệt khu vực đồng bằng, miền núi, hải đảo.

4.3. Đối với khách hàng mua điện ngoài mục đích sinh hoạt và tổ chức, cá nhân có tạm ngừng cấp điện, hệ số điều chỉnh theo vùng, miền (n) được áp dụng như sau:

- a) Tại khu vực đồng bằng: Hệ số $n = 1$;
- b) Tại khu vực miền núi, hải đảo: Hệ số $n = 1,15$.